FireAnt

CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt (HSX: PDR)

Thông tin giao dịch	30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	22,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	29,769
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	17,000
SL cổ phiếu LH	873,140,083
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10,040,820
% sở hữu nước ngoài	6.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	19,646
P/E	45.0
EPS	499

	YTD	1T	3T	6T
PDR	-7.8%	4.4%	-7.2%	-24.4%
VNINDEX	13.8%	0.3%	0.9%	0.1%

Cơ cấu Tổng tài sản

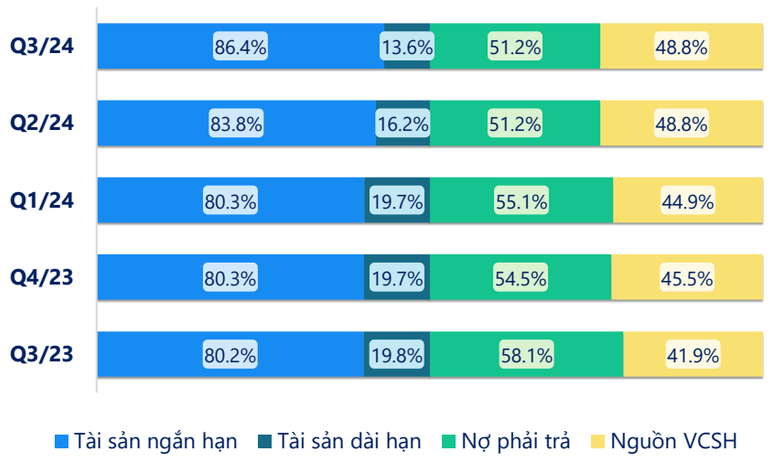

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

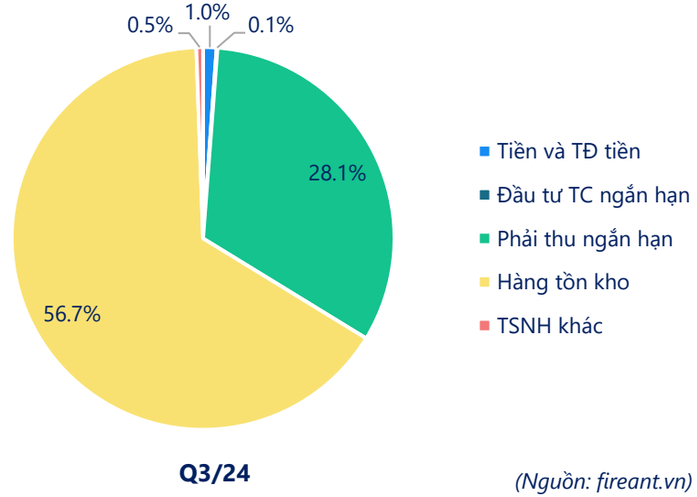

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

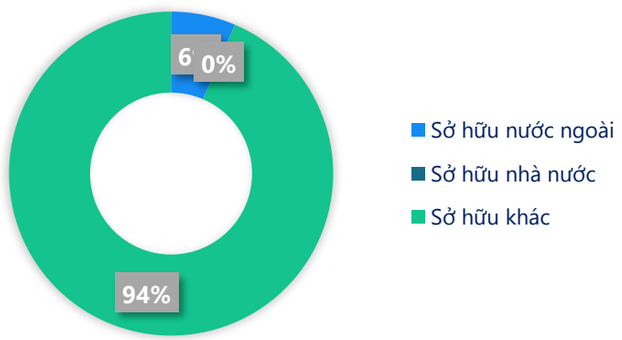

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

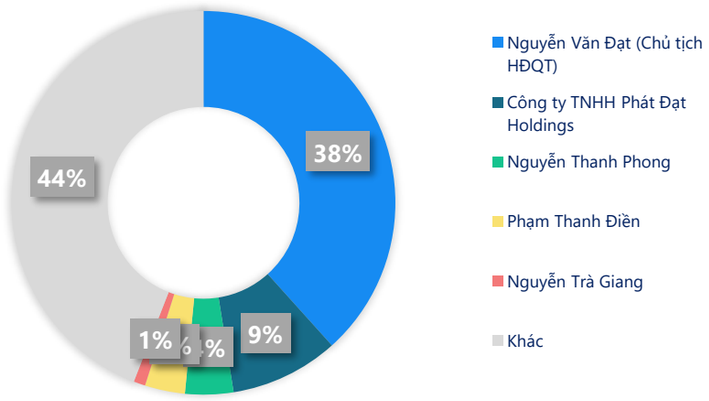

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

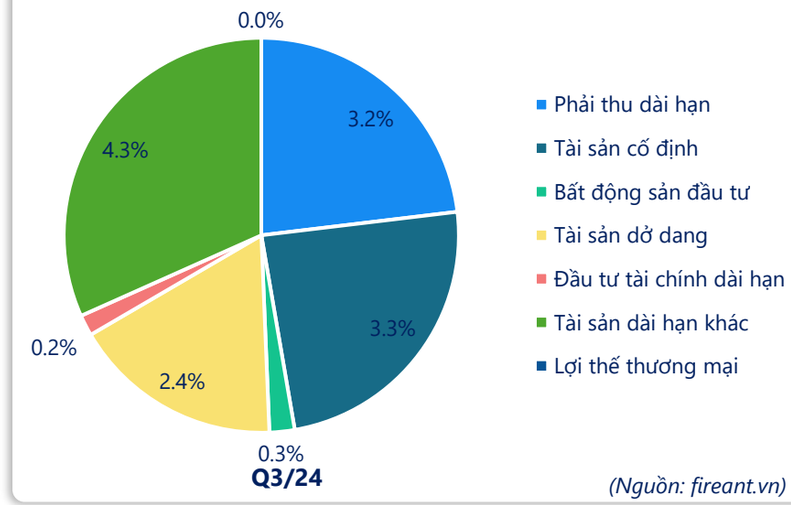

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt (HSX: PDR)

Tiền và tương đương tiền

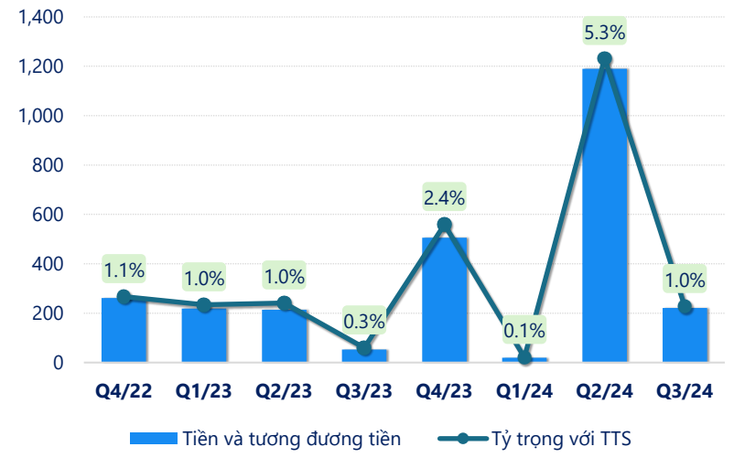

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

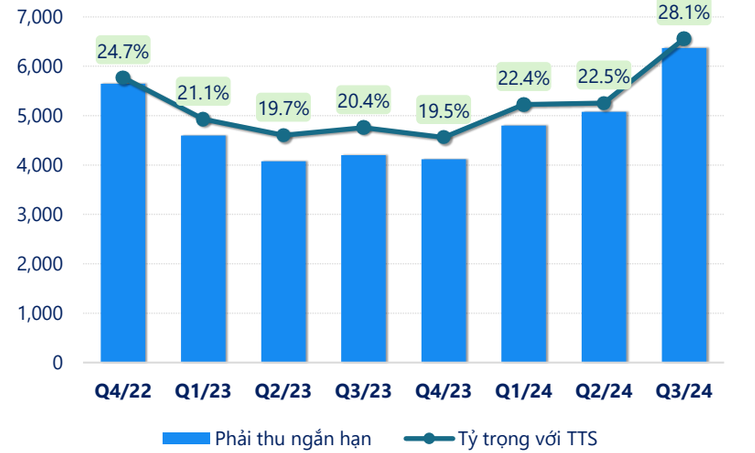

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

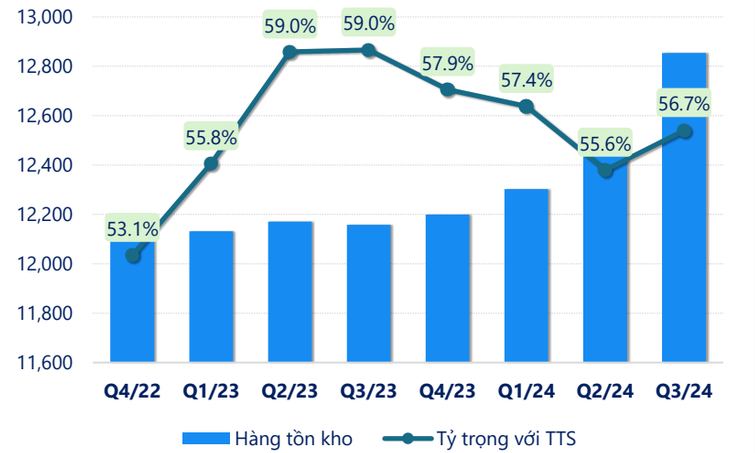

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

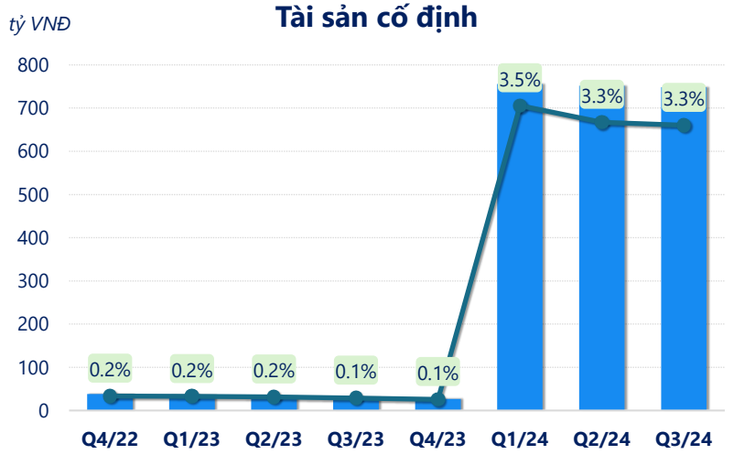

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

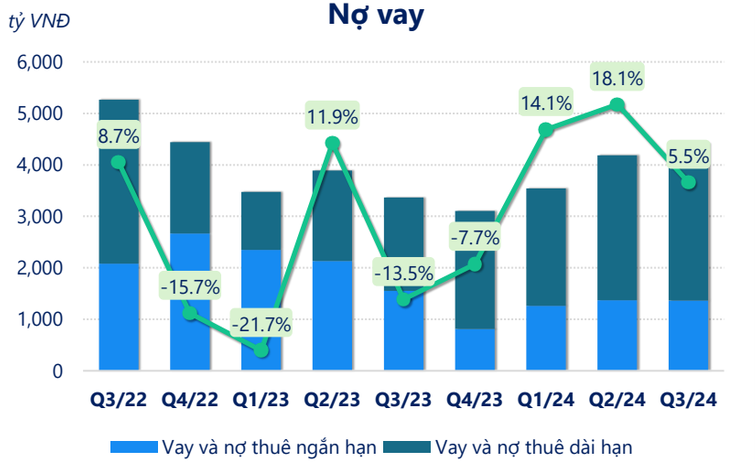

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

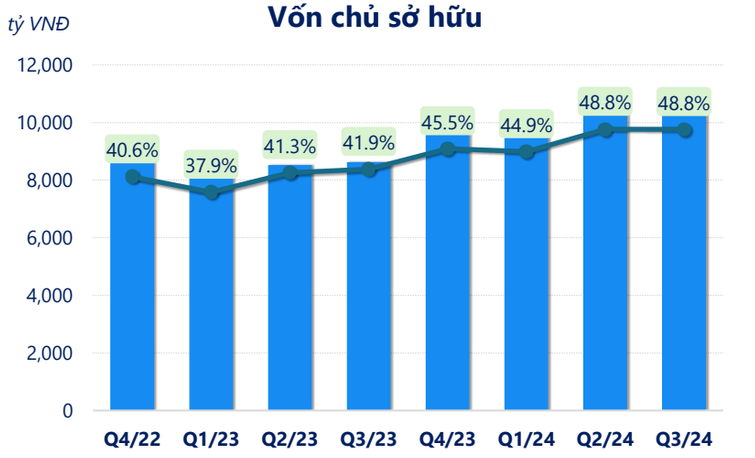

(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt (HSX: PDR)

Kết quả kinh doanh

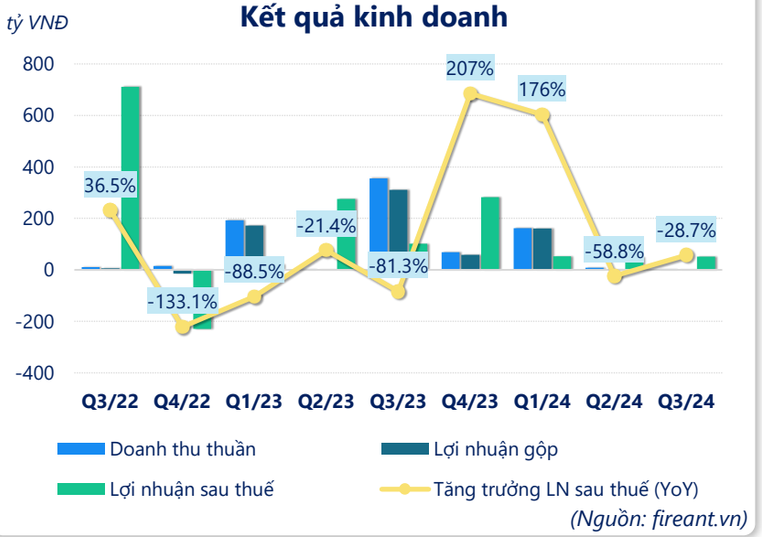

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

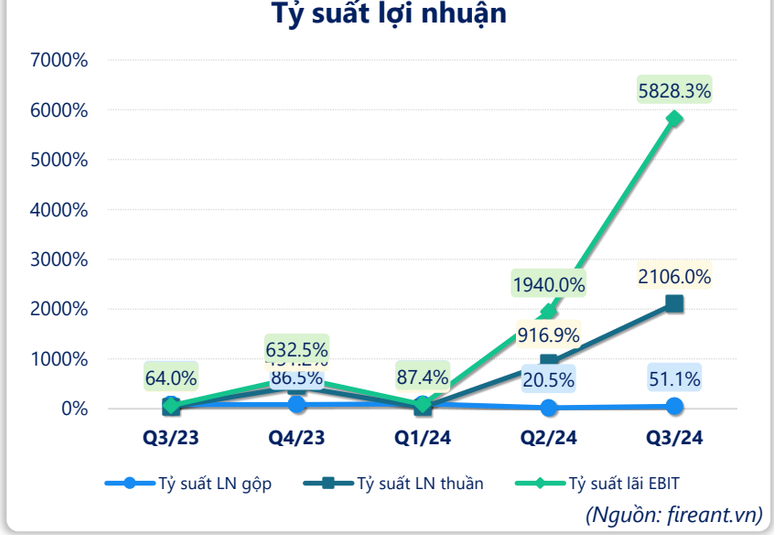

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

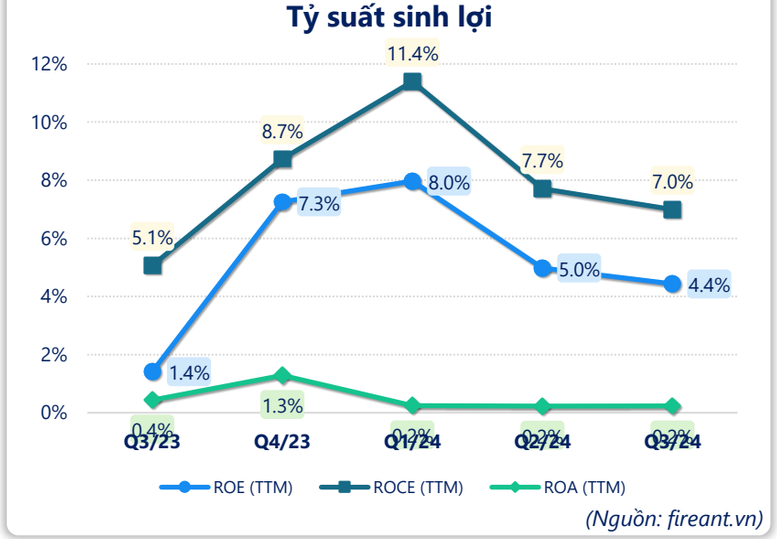

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

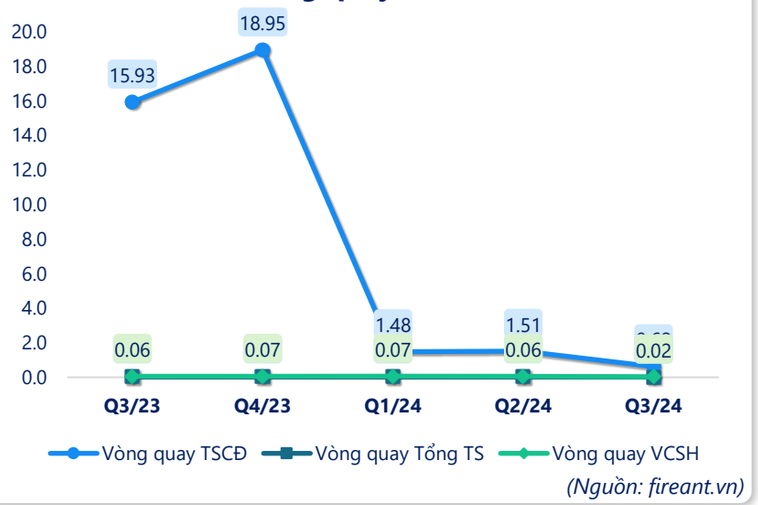

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

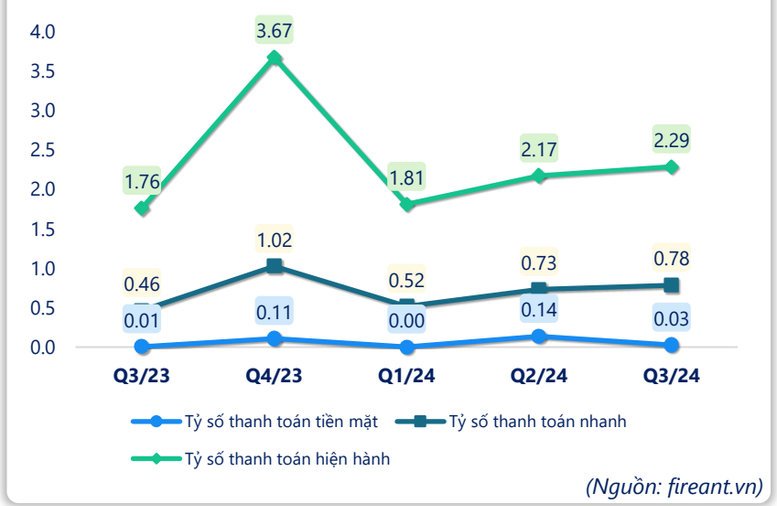

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

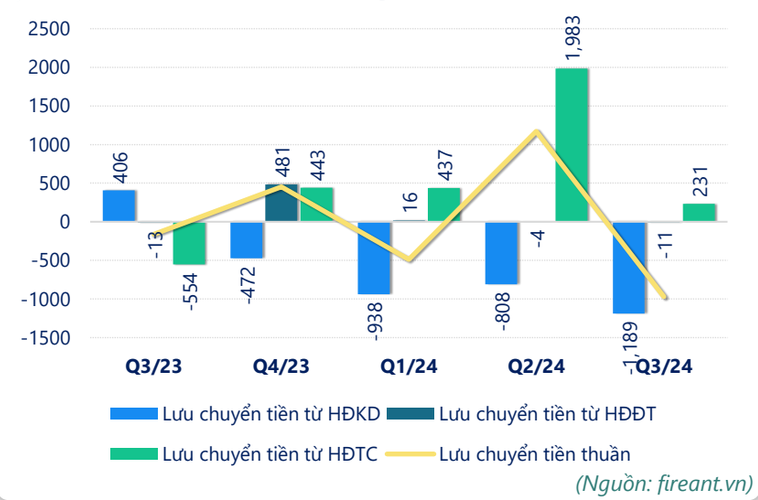

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt (HSX: PDR)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**22,663**	**21,068**	**7.6%**
Tài sản ngắn hạn	19,571	16,916	15.7%
Tiền và tương đương tiền	221	505	-56.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	15.4	15.4	0.0%
Phải thu ngắn hạn	6,370	4,115	54.8%
Hàng tồn kho	12,854	12,200	5.4%
Tài sản ngắn hạn khác	111	81.5	36.5%
Tài sản dài hạn	**3,093**	**4,151**	**-25.5%**
Phải thu dài hạn	714	733	-2.6%
Tài sản cố định	748	27.0	2667%
Bất động sản đầu tư	63.6	64.8	-1.8%
Tài sản dở dang	533	1,170	-54.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	53.1	1,202	-95.6%
Tài sản dài hạn khác	**980**	**955**	**2.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	11,606	11,488	1.0%
Nợ ngắn hạn	**8,558**	**9,177**	**-6.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,366	815	67.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	182	243	-25.4%
Nợ dài hạn	3,049	2,311	31.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	3,049	2,290	33.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**11,057**	**9,579**	**15.4%**
Vốn chủ sở hữu	**11,057**	**9,579**	**15.4%**
Vốn điều lệ	8,731	7,388	18.2%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Doanh thu thuần	355	68.1	162	8.26	2.63
Giá vốn hàng bán	43.6	9.19	0.94	6.56	1.28
Lợi nhuận gộp	311	58.9	161	1.69	1.34
Doanh thu HĐTC	0.55	421	1.14	203	194
Chi phí TC	113	87.8	65.5	73.0	74.5
Chi phí lãi vay	86.1	78.8	65.5	73.0	74.4
LN trong công ty LKLD	-6.79	-10.5	-7.69	-9.15	-17.2
Chi phí bán hàng	3.47	3.75	3.11	2.74	4.33
Chi phí QLDN	44.8	71.1	43.4	43.7	44.0
LN thuần từ HĐKD	144	307	42.7	75.7	55.3
Lợi nhuận khác	-2.63	44.6	33.6	11.5	23.4
LN trước thuế	141	352	76.3	87.2	78.7
Lợi nhuận sau thuế	102	283	52.6	49.8	51.2
LNST của CĐ cty mẹ	102	283	52.6	49.7	51.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	406	-472	-938	-808	-1,189
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-12.9	481	15.7	-3.55	-11.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-554	443	437	1,983	231
Tiền đầu kỳ	214	52.6	505	19.3	1,190
Lưu chuyển tiền thuần	**-161**	**453**	**-486**	**1,171**	**-969**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	52.6	505	19.3	1,190	221

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic